

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 2230/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường,
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 453/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

1. Cấp tỉnh

- Ban hành mới: 01 thủ tục hành chính.

- Sửa đổi, bổ sung: 17 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thay thế: 02 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Cấp xã

Sửa đổi, bổ sung: 01 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ các nội dung về thủ tục hành chính tương ứng đã tại các số thứ tự 1, 2, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 23 Mục I; số thứ tự 2 Mục II Phần Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Các nội dung khác tại các Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Bản hành kèm theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	43 ngày làm việc	Nội hồ sơ tại: - Thực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 7 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.004122	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất	24 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Nộp hồ sơ tại: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ. + 7.500.000 đồng: Đối với quy mô vừa và quy mô lớn. Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ. + 3.750.000 đồng: Đối với quy mô vừa và quy mô lớn.	- Luật Tài nguyên nước 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. - Thông tư 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.
2	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	17 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 6.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa và quy mô lớn. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 3.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa và quy mô lớn.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. - Thông tư 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của BNNMT cho đến

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	08 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	<i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> UBND tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	khi có Nghị quyết mới. Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	08 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	<i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> UBND tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	nước 2023; - Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.012505	Tình tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước chưa được phê duyệt tình cấp quyền	26 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1.009669	Tình tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	26 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)			- Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	
7	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ban nhân dân cấp tỉnh). - 26 ngày (trường hợp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường).					
8	1.004283	Điều chỉnh cấp tiền khai thác tài nguyên nước	21 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy khai thác tài nguyên nước	23 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông	- Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m ³ đến 5.000m ³ /ngày đêm.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia (Một phần)	nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đồi với Đè án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đồi với Đè án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 5.000m ³ /ngày đêm.	14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.
11	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường.. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đè án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đè án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	ngành và Môi trường.	lưu lượng nước từ 200 m ³ đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm.	14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.	10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.
12	1.004223	Cấp giấy khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường.. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m ³ /ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 5.000m ³ /ngày đêm. + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				công quốc gia (Một phần)		công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm. + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp	- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 5.000m ³ /ngày đêm.		
13	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Thực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Thực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	<i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Nông nghiệp và Môi trường. <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 2.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm. - Nộp trực tuyến: + 1.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điều b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tam thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	45 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: + 7.500.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước) + 7.500.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình đã khai thác nước và đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, công thủy lợi,... vận hành trước năm 2013). - Nộp trực tuyến: + 3.750.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước). + 3.750.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình đã khai thác nước).	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh cho đến

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						khai thác nước và đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống thủy lợi,... vận hành trước năm 2013).		khí có Nghị quyết mới.
15	1.004167	Gia hạn, chỉnh phép khai thác nước biển	38 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	<i>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường. <i>- Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Nộp trực tiếp: 6.000.000 đồng; Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt. - Nộp trực tuyến: 3.000.000 đồng; Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Điều c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP - ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Tạm thời áp dụng mức phí theo quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai đối với các TTHC bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai	23/6/2025 của BNNMT cho đến khi có Nghị quyết mới.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
16	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy khai thác tài nguyên nước	23 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai. - Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
17	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy khai thác tài nguyên nước	17 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Toàn tỉnh)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Do UBND cấp tỉnh quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. - Thông tư 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh chưa quy định mức phí cho thủ tục hành chính này.
II CẤP XÃ								
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	08 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại: Bộ phận Một cửa cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. - Thông tư 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH								
1	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND cấp tỉnh)	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước (Mã thủ tục hành chính 1.013799)	26 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. - Thông tư 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)							